

Hàm Yên, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1993;

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1994.

Cùng nơi cư trú: Thôn C 1, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2014 do Ủy ban nhân dân xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/6/2014 cho chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn T không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Giao các con chung là cháu Đặng Thị L, sinh ngày 12/4/2012 và cháu Đặng Văn Đ, sinh ngày 18/6/2014 cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Bàn Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đặng Văn T cho các con chung số tiền là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng

tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi các cháu Đặng Thị L và cháu Đặng Văn Đ đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Bàn Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và anh Đặng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Bàn Thị T chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2.2. *Về tài sản chung, đất đai chung:* Chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.3. *Về công nợ chung:* Chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn T cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.4. *Về án phí:*

+ Chị Bàn Thị T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Bàn Thị T phải nộp là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Anh Đặng Văn T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng chị T và anh T được miễn toàn bộ số tiền án phí trên do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số cư trú ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Bạch Xa (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng